

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** E
Môn thi: Kỹ năng viết **Ca thi:** 7h45 **Ngày thi:** 24

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA0136	NGUYỄN HỮU	THẮNG	29/11/1998		
2	TA0137	NGUYỄN DIỆU	THANH	07/10/1999		
3	TA0138	HOÀNG CÔNG	THÀNH	26/07/1999		
4	TA0139	PHÙNG KHÁNH	THÀNH	24/07/1995		
5	TA0140	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	09/02/1999		
6	TA0141	NGUYỄN NGỌC	THIỆN	11/12/1999		
7	TA0142	ĐẶNG ĐỨC	THƯỜNG	18/02/1999		
8	TA0143	NGUYỄN THỊ	THÚY	24/04/1982		
9	TA0144	LÊ THỊ	THỦY	21/04/1999		
10	TA0145	ĐÀO NGỌC	TIẾN	18/08/1999		
11	TA0146	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	06/01/1999		
12	TA0147	NGUYỄN THUỶ	TRANG	20/03/1999		
13	TA0148	ĐẶNG QUỲNH	TRANG	04/01/2000		
14	TA0149	NGUYỄN VĂN	TRINH	03/09/1999		
15	TA0150	LÊ VIỆT	TRUNG	20/02/1999		
16	TA0151	TRẦN ĐỨC	TRUNG	18/09/1999		
17	TA0152	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	11/09/1999		
18	TA0153	NGUYỄN NGỌC	TRƯỜNG	15/09/1999		
19	TA0154	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	15/01/1999		
20	TA0155	NGUYỄN XUÂN	TUẤN	02/03/1998		
21	TA0156	HOÀNG ANH	TUẤN	22/07/1999		
22	TA0157	MAI THANH	TÙNG	25/06/1999		
23	TA0158	NGUYỄN VIỆT	TÙNG	19/05/1999		
24	TA0159	NGÔ XUÂN	TÙNG	30/09/1999		
25	TA0160	TRỊNH THANH	TÙNG	12/12/1999		

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
26	TA0161	VŨ MẠNH	TÙNG	20/12/1999		
27	TA0162	THIỀU KIM	TÙNG	15/01/1997		
28	TA0163	NGUYỄN THẾ	VÂN	31/05/1999		
29	TA0164	NGUYỄN HOÀNG	VĂN	27/02/1998		
30	TA0165	LÊ HỒNG	VĂN	10/10/2000		
31	TA0166	KHÚC ĐẠI	VIỆT	22/07/1999		
32	TA0167	LÊ ĐỨC	VINH	12/02/1979		
33	TA0168	NGUYỄN VĂN	VỊNH	30/08/1999		
34	TA0169	NGUYỄN NHẤT	VƯƠNG	15/08/1999		
35	TA0170	LÊ ĐÌNH	VƯỢNG	25/11/1999		
36	TA0219	LÊ KHÁNH	TOÀN	21/10/1981		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

Mẫu số 01
A VIỆT NAM
húc

31.303

1/02/2022

[illegible]

Ghi chú